TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 10 - 6 - 2019
V/v Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hồng
Ông Trịnh Văn Hùng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Vũ Quang Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2019/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 về việc *"Xin ly hôn"*.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 03/2019/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 94/2019/QĐ-PT ngày 07/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị M**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 39 ĐDT, thị trấn DL, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Đức H**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ 15, thị trấn LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Đức H – Bị đơn.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn năm 2017, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn DL, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 3/2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hòa hợp. Vợ chồng thường cãi vã, xúc phạm nhau do anh H hay ghen tuông và đánh đập chị. Trước đây chị đã nộp đơn ly hôn ra Tòa án nhưng sau đó rút lại để vợ chồng đoàn tụ vì con, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Đức Â, sinh ngày 04/8/2017. Hiện nay cháu Â vẫn đang sống với bà nội tại thôn VT, xã TV, huyện TH, tỉnh Hà Tĩnh. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu Â, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Đức H trình bày:

Anh và chị M có thời gian tìm hiểu một thời gian, năm 2017 tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn DL và có tổ chức lễ cưới như chị M trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng về quan điểm, không quan tâm, trách nhiệm với nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã quá trầm trọng. Nay qua yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị M thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Đức Â, sinh ngày 04/8/2017. Hiện nay cháu Â vẫn đang sống với bà nội tại thôn VT, xã TV, huyện TH, tỉnh Hà Tĩnh. Khi ly hôn, anh đề nghị được nuôi cháu Â, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 03/2019/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm đã xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M đối với anh Nguyễn Đức H về tranh chấp *"Ly hôn"*

Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Đức H thuận tình ly hôn

Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Đức Â, sinh ngày 04/8/2017 cho chị Trần Thị M có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên. Anh Nguyễn Đức H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 11/3/2019 anh H kháng cáo không đồng ý ly hôn và không đồng ý giao con cho chị M nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa hôm nay: anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, chị M không đồng ý với kháng cáo của anh H, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh H, căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị M và anh H có thời gian tìm hiểu và chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh H là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị M xin ly hôn. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp *"Xin ly hôn"* là đúng pháp luật.

[2] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh H đều trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Xét kháng cáo của anh H về việc không đồng ý ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi con thì thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình chung sống giữa chị M và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp nên vợ chồng thường cãi vã, xúc phạm nhau. Chị M đã nộp đơn xin ly hôn, sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ vì con. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Anh H yêu cầu được đoàn tụ nhưng không có giải pháp hàn gắn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân. Tại giai đoạn sơ thẩm anh H cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo yêu cầu đoàn tụ của anh H.

Về con chung: Chị M và anh H đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Đức Â, sinh ngày 04/8/2017. Chị M và anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét nguyện vọng của chị M và

anh H là chính đáng. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con. Chị M có việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con. Hơn nữa, cháu Â còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) rất cần thiết phải có sự chăm sóc của mẹ nên cấp sơ thẩm giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi của con.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh H, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên anh H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Đức H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Đức H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đức Â, sinh ngày 04/8/2017 cho chị Trần Thị M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên. Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và khi có lý do chính đáng, việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

3. Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/0005489 ngày 17/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm. Chị M đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Đức H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0012869 ngày 05/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm. Anh H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSND tỉnh LĐ;
- TAND huyện Bảo Lâm (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Thị Nguyệt